

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 4262 /UBND-VX

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 12 năm 2021

Về việc sửa đổi, bổ sung
Công văn số 2512/UBND-VX
ngày 28 tháng 7 năm 2021 của
Ủy ban nhân dân Thành phố

P. GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Q 5

ĐẾN Số: 1795
Ngày: 23.12.21
Chuyển:
Hồ Sơ:

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5

ĐẾN Số: 1992/UBND
Ngày: 22/12/21
Chuyển: PCTK
Lưu hồ sơ số:

KHẨN

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Y tế;
- Sở Công Thương; Sở Du lịch;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Nội vụ; Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cục Thuế Thành phố;
- Liên đoàn Lao động Thành phố;
- Bảo hiểm xã hội Thành phố;
- Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Thành phố;
- Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức.

Thực hiện Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 126/NQ-CP);

Thực hiện Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây viết tắt là Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 40101/SLĐTBXH-LĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021;

Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung Công văn số 2512/UBND-VX ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Công văn 2512/UBND-VX) như sau:

Handwritten notes and signatures:
 22/12/21
 Nguyễn Văn Xuân
 23/12/2021
 Lê Thanh Hải

1. Bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Mục I:

“2.4. Không áp dụng quy định của Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đối với những trường hợp đã được chi trả hỗ trợ hoặc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh sách hỗ trợ nhưng chưa chi trả hỗ trợ theo quy định của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1 và điểm 1.2 khoản 1 Mục III:

“1.1. Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 01 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 10% số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị so với tháng 01 năm 2021. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm bao gồm:

- Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật trừ đi số lao động mới giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 02 năm 2021 đến ngày người sử dụng lao động có văn bản đề nghị.

- Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động mà thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang nghỉ việc không hưởng tiền lương mà thời gian nghỉ việc không hưởng tiền lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Số lao động đang ngừng việc mà thời gian ngừng việc từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

1.2. Số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tính giảm tại điểm 1.1 này chỉ bao gồm người làm việc theo hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương; không bao gồm người lao động nghỉ việc hưởng lương hưu từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.4 Khoản 3 Mục IV:

“3.4. Xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội về việc người sử dụng lao động đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ và đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp đối với người tham gia đào tạo theo Mẫu số 02a tại Phụ lục đính kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg.”

4. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.2 khoản 4 Mục IV:

“4.2. Người sử dụng lao động nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đặt trụ sở chính hoặc nơi người sử dụng lao động đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Người sử dụng lao động có thể nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ thành các đợt khác nhau để phù hợp với điều kiện sản xuất, kinh doanh và việc sử dụng

lao động. Người lao động chỉ được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng 01 lần theo chính sách này."

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục V:

"1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động phải tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương do thuộc một trong các trường hợp sau: phải điều trị COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa, không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; do người sử dụng lao động bị tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách về phòng, chống dịch COVID-19 (sau đây gọi là Chỉ thị số 16/CT-TTg) hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" (sau đây gọi là Nghị quyết số 128/NQ-CP) hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 được hỗ trợ khi đủ các điều kiện sau:

1.1. Tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động, từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục V:

"3. Hồ sơ đề nghị:

3.1. Bản sao văn bản thỏa thuận tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương. Trường hợp do dịch bệnh hoặc nguyên nhân bất khả kháng không thể thỏa thuận bằng văn bản, người sử dụng lao động và người lao động có thể thỏa thuận bằng các hình thức khác (qua điện thoại, tin nhắn, thư điện tử,...), sau khi có sự thống nhất thỏa thuận về việc tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương giữa hai bên thì người sử dụng lao động ghi rõ cách thức thỏa thuận vào cột "Ghi chú" tại Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung thỏa thuận.

3.2. Danh sách người lao động có xác nhận của Cơ quan Bảo hiểm xã hội theo Mẫu số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

3.3. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục này thì bổ sung thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.”

7. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.1 và điểm 4.2 khoản 4 Mục V:

“4.1. Người sử dụng lao động lập danh sách, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về danh sách người lao động theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Mục này và đề nghị Cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

4.2. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này đến Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nơi đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục VI:

“1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc vì lý do theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc một trong các trường hợp sau: phải điều trị COVID-19, cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa hoặc không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; do người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 từ 14 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.2. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng người lao động ngừng việc hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc.”

9. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.3 khoản 3 Mục VI:

“3.3. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục này thì bổ sung thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.1 và điểm 4.2 khoản 4 Mục VI:

“4.1. Người sử dụng lao động lập danh sách, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực về danh sách người lao động theo quy định tại khoản 3 Mục này và đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội (nơi quản lý thu bảo hiểm xã hội) xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội. Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động.

4.2. Người sử dụng lao động gửi hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Mục này đến Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nơi đặt trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục VII:

“1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ:

Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thuộc một trong các trường hợp sau: phải cách ly y tế, trong các khu vực bị phong tỏa hoặc không thể đến địa điểm làm việc do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19; do người sử dụng lao động bị tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc người sử dụng lao động có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP hoặc bố trí lại sản xuất, lao động để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của Cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc tại tháng liền kề trước thời điểm người lao động chấm dứt hợp đồng lao động.

1.2. Chấm dứt hợp đồng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, trừ các trường hợp sau đây:

- Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.
- Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.”

12. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.2 và điểm 3.4 khoản 3 Mục VII:

"3.2. Bản sao một trong các giấy tờ sau:

- Hợp đồng lao động đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.

- Quyết định thôi việc.

- Thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động.

3.4. Trường hợp thuộc đối tượng quy định tại điểm 2.2 khoản 2 Mục này thì bổ sung thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy tờ chứng minh người lao động đang mang thai; Giấy khai sinh hoặc Giấy chứng sinh của trẻ em; Giấy chứng nhận nuôi con nuôi; Quyết định giao, nhận chăm sóc thay thế trẻ em của cơ quan có thẩm quyền."

13. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề Mục VIII:

"VIII. HỖ TRỢ NGƯỜI ĐIỀU TRỊ COVID-19, CÁCH LY Y TẾ; HỖ TRỢ THÊM ĐỐI VỚI TRẺ EM, NGƯỜI CAO TUỔI, NGƯỜI KHUYẾT TẬT"

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục VIII:

"1. Đối tượng hỗ trợ:

Trẻ em (người dưới 16 tuổi theo quy định của Luật Trẻ em); người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi chung là người cao tuổi, người khuyết tật) và người điều trị do nhiễm COVID-19 (F0) hoặc cách ly y tế để phòng, chống COVID-19 (F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền."

15. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.3 khoản 2 Mục VIII:

" 2.3. Đối với trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật trong thời gian điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế:

- Được hỗ trợ thêm một lần mức 1.000.000 đồng/người.

- Ngân sách nhà nước đảm bảo chi phí đối với các chi phí ngoài phạm vi chi trả của bảo hiểm y tế và chi phí khám, chữa bệnh đối với trẻ em không thẻ bảo hiểm y tế."

16. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.1, điểm 3.2 và điểm 3.4 khoản 3 Mục VIII:

"3.1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F0 đang điều trị tại cơ sở y tế gồm:

- Danh sách F0 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Giấy ra viện hoặc giấy chứng tử của cơ sở y tế hoặc văn bản xác nhận của cơ sở y tế.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật. Đối với trường hợp mất hoặc không mang theo các giấy tờ trên thì thay thế bằng giấy cam kết chịu trách nhiệm về thông tin của F0, cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em cung cấp cho cơ sở y tế.

3.2. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các trường hợp F1 đang thực hiện cách ly y tế tại cơ sở cách ly gồm:

- Danh sách F1 đủ điều kiện hưởng chính sách theo Mẫu số 8a tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc cách ly y tế.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật. Đối với trường hợp mất hoặc không mang theo các giấy tờ trên thì thay thế bằng giấy cam kết chịu trách nhiệm về thông tin của F1, cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em cung cấp cho cơ sở cách ly.

3.4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, F1 cách ly tại nhà, F0 điều trị tại nhà gồm:

- Văn bản của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn hoặc của cơ quan y tế về cách ly y tế tại cơ sở cách ly, cách ly tại nhà hoặc điều trị tại nhà.

- Giấy xác nhận hoàn thành việc cách ly đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành hoặc cách ly tại nhà; xác nhận hoàn thành điều trị tại nhà hoặc xác nhận thời gian điều trị tại nhà đối với F0.

- Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng sinh, giấy khai sinh, hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, thẻ bảo hiểm y tế, giấy xác nhận mức độ khuyết tật.

- Phiếu thu hoặc biên lai hoặc giấy xác nhận thu tiền ăn tại cơ sở cách ly đối với F1 đã kết thúc cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành."

17. Sửa đổi, bổ sung điểm 4.2 khoản 4 Mục VIII:

"4.2. Đối với trường hợp F0 đã kết thúc điều trị trước ngày Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, F1 đã hoàn thành cách ly tại cơ sở cách ly trước ngày Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, F1 cách ly tại nhà đã hoàn thành cách ly, F0 điều trị tại nhà đã kết thúc điều trị: Cha, mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, các trường hợp F0, F1 gửi hồ sơ quy định tại điểm 3.3, điểm 3.4 khoản 3 Mục này đề nghị hỗ trợ tới Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

Trước ngày 05 và ngày 20 hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổng hợp, lập danh sách (Mẫu số 8a tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, Mẫu số 8b tại Phụ lục kèm theo Quyết định 33/2021/QĐ-TTg) đối với các trường hợp F0, F1 đủ điều kiện hưởng chính sách, gửi Ủy ban nhân dân quận huyện, thành phố Thủ Đức.

Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổng hợp Danh sách hỗ trợ."

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Mục VIII:

"5. Cơ sở y tế, cơ sở cách ly, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có trách nhiệm chi trả đầy đủ các chế độ hỗ trợ đối với F0, F1, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật đang điều trị, cách ly, điều trị tại nhà theo danh sách được Ủy ban nhân dân quận huyện, thành phố Thủ Đức phê duyệt (Mẫu 8c tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg)."

19. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.2 khoản 3 Mục X:

"3.2. Bản sao một trong các giấy tờ sau đây đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và nội địa:

- Hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm nộp hồ sơ.

- Thẻ hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch."

20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục XI:

"1. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ đối với hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế:

Hộ kinh doanh được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1.1. Có đăng ký kinh doanh và có trong danh bạ của cơ quan thuế.

1.2. Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc do có địa điểm kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc phải áp dụng biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động theo Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021."

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục XI:

"3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện:

3.1. Hộ kinh doanh gửi đề nghị hỗ trợ theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký trụ sở hộ kinh doanh. Thời hạn tiếp nhận hồ sơ chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 01 năm 2022.

3.2. Trong 03 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận về việc tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh; niêm yết công khai; tổng hợp, báo cáo gửi Chi cục Thuế.

3.3. Trong 02 ngày làm việc, Chi cục Thuế chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định, gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổng hợp.

3.4. Trong 02 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức tổng hợp danh sách hộ kinh doanh được hỗ trợ.

3.5. Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức căn cứ kết quả tổng hợp để ban hành quyết định phê duyệt Danh sách và kinh phí hỗ trợ, thực hiện chi trả theo quy định. Trường hợp không hỗ trợ, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do (trong 02 ngày làm việc)”

22. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 Mục XI:

“1a. Hỗ trợ đối với hộ kinh doanh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh.

Căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị định số 39/2007/NĐ-CP ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên không phải đăng ký kinh doanh, Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp và hướng dẫn của Cục Thuế Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư về tiêu chí xác định đối tượng đang hoạt động trên địa bàn địa phương quản lý, hồ sơ, thủ tục hỗ trợ trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc do có địa điểm kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc phải áp dụng biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động theo Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

- Không áp dụng đối với những trường hợp đã nhận hỗ trợ theo chính sách hỗ trợ của Thành phố.”

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục XII:

“1. Điều kiện vay vốn:

1.1. Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương ngừng việc khi có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến tháng liền kề trước thời điểm người lao động ngừng việc, phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022.

1.2. Người sử dụng lao động được vay vốn trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất, kinh doanh của người sử dụng lao động

a) Đối với người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động toàn bộ hoặc một phần theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc có trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022:

- Có người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tại thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh đối với trường hợp phải tạm dừng hoạt động.

b) Đối với người sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng:

- Có người lao động làm việc theo hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến thời điểm đề nghị vay vốn.

- Có phương án hoặc kế hoạch phục hồi sản xuất, kinh doanh."

24. Sửa đổi, bổ sung điểm 3.3 và điểm 3.5 khoản 3 Mục XII:

"3.3. Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Trường hợp đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì cung cấp thêm bản sao Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hoạt động hoặc Chứng chỉ hành nghề hoặc Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đầu tư đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.

3.5. Bản sao văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc người sử dụng lao động phải tạm dừng toàn bộ hoặc một phần hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 hoặc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo nguyên tắc của Chỉ thị số 16/CT-TTg hoặc áp dụng các biện pháp không hoạt động/ngừng hoạt động/hoạt động hạn chế/hoạt động có điều kiện/hoạt động hạn chế, có điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 128/NQ-CP trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 (đối với vay vốn trả lương phục hồi sản xuất, kinh doanh)"

25. Bãi bỏ điểm 3.1 khoản 3 Mục VI và điểm 3.7 khoản 3 Mục XII Công văn số 2512/UBND-VX.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Mục XIV:

Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ hai:

“- Hướng dẫn, đôn đốc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức khẩn trương thực hiện các nội dung được phân công để kịp thời hỗ trợ, chia sẻ với người dân gặp khó khăn do dịch COVID-19.”

Bổ sung gạch đầu dòng thứ tư:

“- Phối hợp Sở Nội vụ, Sở Tư pháp và đơn vị có liên quan tham mưu Dự thảo trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định ủy quyền thực hiện quy trình thủ tục theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.”

27. Sửa đổi, bổ sung khoản 11 Mục XIV:

“11. Sở Nội vụ, Sở Tư pháp:

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tư pháp góp ý cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định ủy quyền thực hiện quy trình thủ tục thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại Quyết định số 33/2001/QĐ-TTg cho các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.”

28. Sửa đổi số thứ tự khoản 14 Mục XIV:

“16. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố:”

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, các doanh nghiệp và người sử dụng lao động căn cứ nội dung sửa đổi, bổ sung tại Công văn này, khẩn trương triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ LĐTBXH;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban KTNS HĐND TP;
- Ban VHXXH HĐND TP;
- VPUB: CVP, các PVP;
- Phòng KT, VX;
- Lưu: VT, (VX/Th2). 41

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan

